

Số: 74/KH-THPH

Phong Hải, ngày 20 tháng 8 năm 2019

KẾ HOẠCH

Chiến lược phát triển trường Tiểu học Phong Hải giai đoạn 2019 – 2024. Tầm nhìn đến năm 2030

Trường Tiểu học Phong Hải nằm ở trung tâm đảo Hà Nam thuộc phường Phong Hải. Nhà trường có 1 điểm trường chính (Khu Trung Tâm) có diện tích là: 5919,5 m² nằm ở thôn 4 - xã Phong Hải - huyện Yên Hưng - Tỉnh Quảng Ninh và nay là Khu 4 - phường Phong Hải - thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh. Điểm trường phụ: Nằm ở Khu 8 (Khu Cống Mương) tổng diện tích khu điểm trường là: 576 m² cách Trung tâm trường khoảng hơn 3km. Tổng diện tích hai khu vực là: 6492,5 m².

Nhà trường được thành lập từ năm 1990 trên cơ sở được tách ra từ trường liên cấp 1- 2 Phong Hải. Những năm mới thành lập, cơ sở vật chất của nhà trường còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu phòng học và các phòng chức năng; không có sân chơi, bãi tập. 29 năm qua, là khoảng thời gian vượt khó đi lên của thầy và trò nhà trường. Tuy điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, song khó khăn không làm lung lay được ý chí, bản lĩnh của đội ngũ thầy cô giáo tâm huyết với nghề và các em học sinh ham học của nhà trường. Trong muôn vàn khó khăn đó, thầy và trò đã động viên nhau thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ “*Dù khó khăn đến mấy cũng phải thi đua dạy tốt – học tốt*”.

Trong những năm qua, trường Tiểu học Phong Hải luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Thị xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, của Đảng ủy, chính quyền địa phương và sự sẻ chia của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Cùng với tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của thầy và trò nhà trường luôn làm việc và học tập tự giác. Phát huy năng lực sáng tạo, quyết tâm xây dựng nhà trường đạt tiêu chuẩn “*Thầy mẫu mực - Trò chăm ngoan - Trường lớp khang trang - Đoàn Đội vững mạnh*”, là cơ sở giáo dục lành mạnh, chất lượng, là địa chỉ đáng tin cậy của Đảng, chính quyền, phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương trong khu vực.

Từ truyền thống đó Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 - 2024, nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Trường Tiểu học Phong Hải xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của nhà trường có ý

nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội Đảng về đổi mới giáo dục phổ thông. Với mục đích cùng với các trường tiểu học trong thị xã xây dựng ngành giáo dục Quảng Yên phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội các nước trong khu vực và thế giới.

A. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. Tình hình nhà trường.

1. Môi trường bên trong.

1.1 Điểm mạnh.

1.1.1 Đội ngũ:

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường: 43 trong đó: BGH: 2, CBGV: 34, nhân viên: 8 (1 Kế toán-Văn thư, 1 Thư viện-thiết bị, 1 Y tế - Thủ quỹ, 3 bảo vệ, 2 lao công.)

***Trình độ chuyên môn.**

- Cán bộ quản lý: 02 người

+ Thạc sĩ: 01 = 50%.

+ Đại học: 01 = 50%.

- Giáo viên: có 34 người

+ Đại học: 12 = 44,1%.

+ Cao đẳng: 16 = 47.1%.

+ Trung cấp: 4 = 8,8%

- Nhân viên: có 08 người (trong đó: 03 người là nhân viên biên chế; 05 hợp đồng ngắn hạn).

+ Đại học: 02 = 25%.

+ Trung cấp: 01 = 12,5%

+ Văn hóa 12/12: 5 = 62,5%

- Nhìn chung về trình độ đào tạo: có 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, các đồng chí đều có trình độ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc; 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Về phẩm chất chính trị: 100% cán bộ - giáo viên - nhân viên nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh, luôn gương mẫu thực hiện chính sách và pháp luật.

- Công tác tổ chức quản lý của BGH: Có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Kế hoạch trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng

chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

1.1.2 Chất lượng học sinh.

Trường Tiểu học Phong Hải trong những năm gần đây kết quả giáo dục học sinh đạt chất lượng cao. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Kết quả giáo dục năm học 2018 – 2019

a. *Chất lượng Giáo dục đại trà:*

HS HTCTLH: 623/623= 100% ; HTCTTH: 122/122 = 100%

b. *Chất lượng mũi nhọn:*

- Cấp thị xã: Tổng số 20 giải

+ Olympic các môn học 17 giải (Giải Nhì: 4; Giải ba: 4; Khuyến khích: 9)

+ Tìm hiểu truyền thống Bạch Đằng: 3 giải (KK; 3)

- Tổng số HS được khen cấp trường: 435em (69,8%), CNBH: 489 em

Cụ thể:

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CUỐI NĂM HỌC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	452	98	82	102	88	82
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (7-9 buổi/tuần)	272			102	88	82
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	452	98	82	102	88	82
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	196	32	32	54	34	44
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	256	66	50	48	54	38
3	<i>Cần CG (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	452	98	82	102	88	82
Môn Tiếng Việt	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	136	24	29	28	31	24
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	307	71	52	69	57	58
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	9	3	1	5		
Môn Toán	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	150	40	25	32	26	27
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	297	57	57	66	62	55
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	5	1		4		
TN-XN	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	117	32	30	55		
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	165	66	52	47		
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0					
Khoa	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	88				50	38

học	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	82				38	44
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
Lịch sử	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	50				31	19
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	120				57	63
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
Âm nhạc	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	133	26	24	34	29	20
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	319	72	58	68	59	62
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0					
Mĩ thuật	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	131	28	24	32	25	22
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	321	70	58	70	63	60
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
Thủ công Kỹ thuật	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	161	32	32	55	24	18
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	291	66	50	47	64	64
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
Thể dục	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	195	28	42	44	41	40
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	257	70	40	58	47	42
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
Ngoại ngữ	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	56			23	21	12
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	215			78	67	70
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1			1		
Tin học	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	90			50	19	21
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	182			52	69	61
Đạo đức	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	193	32	31	57	38	35
	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	259	66	51	45	50	47
	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
V	Tổng hợp kết quả giữa học kỳ 2						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		95/98	81/82	94/102	88	82
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>		24	26	39	27	34
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)		3	1	8		

*** Hiệu quả đào tạo của nhà trường**

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiêu học đạt 100% cụ thể:

Năm học	Tổng số HS	Số học sinh HTCTTH		Số học sinh CHTCTTH	
		SL	TL %	SL	TL %
2018 - 2019	82	82	100	0	0

*** Chất lượng phổ cập.**

+ Năm 2019: Đạt tiêu chuẩn hoàn thành PCGD tiêu học mức độ 3.

1.1.3 Cơ sở vật chất.

*** Diện tích, khuôn viên, sân chơi, sân tập**

a) Khu trung tâm

- Diện tích khuôn viên: 5915,7m² Đạt: 10,6 m²/1 học sinh
- Diện tích sân chơi: 2.872 m² Đạt: 5,1m²/1 học sinh
- Diện tích sân tập: 875 m² Đạt: 1,6 m²/1 học sinh

b) Khu Cổng Mương

- Diện tích khuôn viên: 576,8 m² Đạt: 14,1m²/1 học sinh
- Diện tích sân chơi (sân tập): 265m² Đạt: 5,3m²/1 học sinh

Sân trường ở các khu đều có trồng cây bóng mát, bãi tập khu trung tâm có thảm cỏ cho học sinh vui chơi.

Khuôn viên nhà trường có cổng, tên biển trường, tường rào bao quanh theo đúng qui định Điều lệ trường tiêu học.

Có sân chơi, sân tập đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, yên tĩnh, thoáng mát, thuận tiện cho học sinh học tập, vui chơi; môi trường xung quanh khu vực trường sạch đẹp, an toàn.

*** Phòng học, bàn ghế, bàn ghế cho giáo viên, học sinh.**

Trường có 21 lớp; mỗi lớp có tối đa 35 học sinh. Có 1 phòng học/1 lớp. Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo qui định hiện hành của Bộ Y tế.

Số phòng học: 20. Số học sinh: 671. Tỷ lệ học sinh/lớp: 32 học sinh.

Diện tích phòng học: từ 45 m² đến 54m²/phòng, tỷ lệ: 1,3m² - 1,5m² /1 học sinh.

Các phòng học đều có đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh. Trong các phòng học đều được trang trí đẹp, có đủ ánh sáng. Có hệ thống điện chiếu sáng, quạt mát. Trung bình mỗi phòng học có 4 quạt trần và 8 đèn chiếu sáng. Có tủ đựng đồ dùng học tập, đồ dùng giảng dạy của giáo viên đảm bảo sử dụng tiện lợi, kịp thời.

Số bộ bàn ghế cho HS: 368 bộ, trong đó loại bàn 2 chỗ ngồi: 368 bộ. Bàn ghế HS là bàn có 2 chỗ ngồi, mỗi chỗ ngồi rộng không dưới 0,5m: 368 bộ. Ghế học rời bàn và có thành tựa: 165 bộ. Kích thước (cao, rộng, sâu...) của bàn và ghế tương ứng với nhau và phù hợp với tâm vóc học sinh: 368 bộ.

Số phòng học có đủ bảng, kích thước, màu sắc, cách treo bảng đảm bảo theo những qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về vệ sinh trường học: 21 phòng.

Bảng học là loại bảng chống lóa: 21 cái.

*** Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác QL, dạy và học.**

Có các khối phòng phục vụ học tập bao gồm:

- + Phòng Âm nhạc; phòng Mỹ thuật; phòng học ngoại ngữ; phòng học tin.
- + Phòng thư viện – thiết bị;
- + Phòng truyền thống;
- + Phòng Đội:

*** Khối phòng hành chính quản trị bao gồm:**

- + Phòng Hiệu trưởng;
- + Phòng Phó Hiệu trưởng;
- + Phòng hội đồng;
- + Phòng y tế;
- + Kho;
- + Phòng Kế toán;
- + Phòng lưu trữ hồ sơ;
- + Phòng bảo vệ;

Phòng Y tế trường học có tủ thuốc, có các loại thuốc thiết yếu và các dụng cụ y tế theo quy định để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh và công tác sơ cứu kịp thời nếu xảy ra tai nạn tại trường cho học sinh. Có sổ sách theo dõi, kế hoạch hoạt động y tế trường, sổ theo dõi khám sức khỏe định kì cho học sinh, tài liệu chuyên môn về y tế trường học.

Nhà trường có 08 máy tính xách tay, 33 máy tính để bàn, 07 máy in, có 10 máy chiếu đa năng, 01 máy chiếu vật thể, có 1 máy potocopy, 1 bộ loa, mic, đường truyền Intenet, ... phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy của nhà trường.

Các phòng chức năng có các thiết bị thiết yếu được sắp xếp hợp lý, khoa học để phục vụ các hoạt động của nhà trường và được ghi đầy đủ trong sổ nhật ký.

Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung tại phòng lưu trữ hồ sơ nhà trường.

- Thành tích chính: Đã khẳng định được vị trí trong ngành giáo dục, được học sinh và phụ huynh học sinh tin cậy.

1.1.4 CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

a. Danh hiệu thi đua.

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2018-2019	- Tập thể Lao động Xuất sắc	- Theo QĐ Số 3331/QĐ-UBND, ngày 9/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh

b. Hình thức khen thưởng.

Năm học	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2018-2019	- Giấy khen của CTUBND thị xã Quảng Yên	- Theo QĐ Số 2445/QĐ-UBND, ngày 16/7/2019 của UBND thị xã Quảng Yên

- Công Đoàn, Chi Đoàn, Liên đội của trường luôn được công nhận vững mạnh xuất sắc và được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp.

- Chi bộ đạt chi bộ vững mạnh tiêu biểu.

1.2. Điểm hạn chế.

- *Tổ chức quản lý của Ban Giám hiệu:* Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên.

- *Đội ngũ giáo viên, nhân viên:* Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu giảng dạy hoặc quản lý, giáo dục học sinh, có giáo viên trình độ chuyên môn hạn chế ở từng bộ môn, ý thức tự học chưa cao, sự tin nhiệm trong học sinh và đồng nghiệp, nhân dân còn thấp,

- *Chất lượng học sinh:* chủ yếu là con em nông nghiệp và ngư nghiệp nên điều kiện, hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn còn một bộ phận dân cư còn hạn chế ít quan tâm đến giáo dục nhất là việc học tập của con em mình nên có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của từng lớp và nhà trường. còn có một số học sinh chưa tự giác và ý thức học tập, tu dưỡng rèn luyện còn hạn chế.

- *Cơ sở vật chất:* Chưa đồng bộ, hiện đại. Còn 8 phòng học cấp 4 và các phòng học cấp 4 đang xuống cấp, phòng học chức năng còn hạn chế chưa đạt chuẩn, chưa có phòng đa chức năng .

2. Môi trường bên ngoài

2.1. Thời cơ.

Có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự đồng thuận của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, sự tin nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiều đ/c trẻ, đạt trình độ trên chuẩn cao, có năng lực chuyên môn

và kỹ năng sự phạm khá, tốt. Nhu cầu giáo dục chất lượng cao rất lớn và ngày càng tăng.

2.2. Thách thức.

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

- Số học sinh đạt giải trong các kì giao lưu học sinh năng khiếu ở các trường Tiểu học ở trong cụm và trong thị xã tăng về số lượng, và chất lượng giáo dục.

Từ những điều kiện thế mạnh và hạn chế thực tế tại nhà trường, trường Tiểu học Phong Hải xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2019-2024 và tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể như sau:

A. CÁC VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC.

Xác định các vấn đề ưu tiên.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy - học và công tác quản lý.

- Áp dụng các chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học vào việc đánh giá xếp loại giáo viên, hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

I. Tầm nhìn, Sứ mệnh và các giá trị .

1. Tầm nhìn.

Một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hạnh phúc. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

2. Sứ mệnh.

Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

- Đoàn kết – Yêu thương

- Thân thiện – Hạnh phúc

- Đổi mới – Sáng tạo

- Hướng tới tương lai.

C. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG.

I. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường trở thành trường tiểu học trọng điểm chất lượng cao và hạnh phúc trong khu vực. Nhà trường có uy tín về chất

lượng giáo dục là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước và thời đại.

1. Chỉ tiêu cụ thể.

1.1. Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, PCGD

Xây dựng kế hoạch theo hướng phát triển hàng năm.

+ Quy mô trường: từ 21 -23 lớp (đến năm 2024)
+ Huy động số học sinh từ 620 – 800 hs. (trong đó Khối 1: 4 lớp = 140hs; khối 2: 5 lớp = 165; Khối 3: 5 lớp = 165; Khối 4: 4 lớp = 155; Khối 5: 4 lớp = 150)

+ Năm học 2019 -2020 huy động 135/135 trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào lớp 1 đạt 100%

+ Duy trì sĩ số: đạt 100%, không có hs bỏ học

- Công tác PCGD:

+ Duy trì và giữ vững đạt chuẩn PCGD mức độ 3

1.2. Chất lượng giáo dục

- Học 9 buổi/tuần: đạt 100%;

- Tăng cường giáo dục ngoại ngữ và tin học:

+ Giáo dục ngoại ngữ: 100% hs lớp 3,4,5 được học Tiếng Anh với thời lượng 4 tiết/tuần.

+ 100% hs lớp 1,2 được làm quen với Tiếng Anh theo chương trình học Tiếng anh Phonics.

100% HS tham gia “Tăng cường kỹ năng nghe nói Tiếng Anh cho học sinh tiểu học có sự tham gia của giáo viên nước ngoài giảng dạy”.

+ Giáo dục tin học: 100% hs lớp 3,4,5 được học chương trình tin học.

- Tỷ lệ chất lượng giáo dục:

+ HS HTCTLH: đạt từ 99,8% - 100%

+ HS Hoàn thành chương trình tiểu học: 99,8% - 100%

Năng lực	Phẩm chất	Tốt và Đạt	Cần cố gắng
Tự phục vụ, tự quản	Chăm học, chăm làm	99,8%	0,2%
Hợp tác	Tự tin, trách nhiệm	99,8%	0,2%
Tự học và giải quyết vấn đề	Trung thực, kỉ luật	99,8%	0,2%
	Đoàn kết, yêu thương	99,8%	0,2%

+ Tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu hàng năm: Cấp thị xã: 20 -30 giải ; Cấp tỉnh: 2 – 5 giải

1.3. Về xây dựng đội ngũ

- Bồi dưỡng đội ngũ đạt trên chuẩn 95% đến năm 2024.

(Đại học: : 57% ; CĐ: 38%; TC: 5%)

- Trên 100% giáo viên sử dụng thành thạo CNTT và ứng dụng CNTT vào dạy học; (39 đ/c soạn giáo án vi tính)
- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên: 100%; trong đó xếp loại: CBQL Giỏi: 100%; Giáo viên: Giỏi: 50%, Khá: 45%, Trung bình: 5%;
- Kết quả đánh giá CBQL theo Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: Xuất sắc: 100%;
- Kết quả đánh giá giáo viên theo Chuẩn NNGVTH: Xuất sắc: 50%, Khá: 45%, Trung bình: 5%;
- GVCN giỏi cấp trường: 21/21 đạt 100%
- GV dạy giỏi cấp trường: 29/29 đạt 100% (35 GV biên chế)
- GV dạy giỏi cấp thị xã: 12/29 đạt 41.3%
- Tổng phụ trách Đội giỏi cấp thị xã: 01 đ/c (Vũ Văn Ngọc)

1.4. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với phụ huynh học sinh, các tổ chức xã hội, bằng nguồn ngân sách tiết kiệm tăng cường đầu tư:

- Tu bổ tăng cường CSVC, bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất một cách hiệu quả. Trang trí bổ sung các phòng học...
- Xây dựng, nâng cấp nhà phòng học. Phòng đa chức năng được xây dựng và trang bị theo hướng hiện đại.
- Trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.
- Hoàn thiện các phòng chức năng đạt chuẩn
- Xây dựng thư viện đạt chuẩn.
- Xây dựng vườn hoa, khuôn viên nhà trường đảm bảo môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp”.

Dự kiến một số hạng mục đề nghị đầu tư:

Năm thực hiện	Hạng mục đầu tư mới	Hạng mục sửa chữa	Nơi đề nghị đầu tư
2019	Bếp ăn tại khu Trung Tâm		UBND phường đầu tư
		Hệ thống cửa phòng học dãy nhà 3 tầng khu Trung Tâm.	Phòng GD&ĐT thị xã
		Lan can, hệ thống vệ sinh khu hiệu bộ 2 tầng khu Trung Tâm.	Nguồn ngân sách tiết kiệm tại nhà trường
		- Trang trí bảng biểu toàn bộ các phòng học hai khu vực. - Đầu tư CSVC cho học sinh học bán trú.	Xã hội hóa giáo dục.
2020	Xây mới các phòng học, phòng làm việc khu Công Mương.		- UBND phường - Phòng GD&ĐT
	Làm mới khuôn viên khu Công Mương.	Đầu tư các thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động quản lý	Nguồn ngân sách tiết kiệm tại nhà trường

		đạy- học ở hai khu vực.	
		- Nâng cấp sân chơi khu vực Trung Tâm. - Đầu tư CSVC cho học sinh học bán trú.	Xã hội hóa giáo dục.
2021	Đầu tư mới một số phòng học thông minh.		- Phòng GD&ĐT
		Đầu tư các thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động quản lý dạy- học và hệ thống cây xanh ở hai khu vực.	Nguồn ngân sách tiết kiệm tại nhà trường
		- Nâng cấp sân chơi khu vực Trung Tâm. - Đầu tư CSVC cho học sinh học bán trú.	Xã hội hóa giáo dục.
2022	Xây mới các phòng học, phòng chức năng thay thế cho 2 dãy nhà cấp 4 khu Trung Tâm.		- UBND phường - Phòng GD&ĐT
		Nâng cấp đầu tư trang thiết bị cho các phòng chức năng.	Nguồn ngân sách tiết kiệm tại nhà trường
		- Đầu tư CSVC cho học sinh học bán trú. - Nâng cấp sân thể chất	Xã hội hóa giáo dục.
2023		Tu sửa phòng học nhà 3 tầng khu Trung Tâm	- UBND phường - Phòng GD&ĐT
		Đầu tư các thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động quản lý dạy- học và thư viện.	Nguồn ngân sách tiết kiệm tại nhà trường
		- Đầu tư CSVC cho học sinh học bán trú. -Nâng cấp sân thể chất	Xã hội hóa giáo dục.

1.5. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG.

1.5.1 Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2019	TTLĐXS	UBND tỉnh Quảng Ninh
2020	TTLĐXS	UBND tỉnh Quảng Ninh
2021	TTLĐXS	UBND tỉnh Quảng Ninh
2022	TTLĐXS	UBND tỉnh Quảng Ninh
2023	TTLĐXX	UBND tỉnh Quảng Ninh

1.5.2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2019	Giấy khen	UBND thị xã Quảng Yên
2020	Cờ thi đua	UBND tỉnh
2021	Giấy khen	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh
2022	Giấy khen	UBND thị xã Quảng Yên
2023	Bằng khen	UBND tỉnh

Phương châm hành động

“Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”

D. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC.

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá xếp loại học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách tổ chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn.

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục.

Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; kế toán, nhân viên thiết bị-thư viện.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng, trang Web, thư viện điện tử, ngân hàng đề kiểm tra... của trường góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thành thạo máy tính phục vụ cho công việc.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng, tổ công tác công nghệ thông tin

5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục.

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển Nhà trường.

+ Nguồn lực tài chính:

- Ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ngân sách “Từ công tác xã hội hoá, Phụ huynh học sinh ...”

+ Nguồn lực vật chất:

- Khuôn viên Nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình khác.

- Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

- Người phụ trách: BGH, BCH Công đoàn, Hội Phụ huynh học sinh.

6. Xây dựng thương hiệu

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với Nhà trường.

- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và Hội Phụ huynh học sinh.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường.

Đ. TỔ CHỨC THEO DÕI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược.

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, Hội Phụ huynh học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chức.

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược.

- Giai đoạn 1: Từ năm 2019 – 2024

- Giai đoạn 2: Từ năm 2024 - 2030

4. Đối với Hiệu trưởng.

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

5. Đối với Phó Hiệu trưởng.

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện kế hoạch.

6. Đối với tổ trưởng chuyên môn.

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

7. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, UBND phường;
- Chi bộ trường;
- Công đoàn trường;
- Tổ trưởng chuyên môn;
- BĐDCMHS trường;
- Lưu: CLPT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lan